

Bản án số: 257/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Mai Đình Quế và ông Vũ Văn Doãn.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 11/9/1989

Số căn cước: 014189000108

Địa chỉ: bản T, xã C, tỉnh Sơn La; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh Đỗ Cao T, sinh ngày 15/8/1986

Số căn cước công dân: 038086012645

Địa chỉ: thôn M, xã N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/11/2025 và B tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Cao T kết hôn vào ngày 03 tháng 7 năm 2018, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị không muốn làm ảnh hưởng đến gia đình hai bên nên đã cố gắng bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài mà không thể khắc phục được. Vợ chồng đã ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt

được, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- *Về con chung*: chị M và anh T không có con chung với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Bị đơn anh Đỗ Cao T trình bày*:

- *Về hôn nhân*: anh thống nhất như nội dung mà chị M trình bày về thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về quan điểm sống, mỗi người mỗi tính, không ai nhìn ai và không tìm được tiếng nói chung. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn mà không thể khắc phục được, dẫn đến vợ chồng đã ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M đề nghị ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng cần giải thoát cho nhau nên anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: vợ chồng không có con chung với nhau nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị M và anh T cùng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh T đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị M và anh T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu. Căn cứ vào quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa.

[2]. *Về nội dung*:

- *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Cao T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M, anh T chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn và không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Chị M đề nghị ly hôn, anh T cũng nhất trí. Xét thấy cuộc sống chung của chị M, anh T đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

- *Về con*: chị M và anh T không có con chung với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: chị M và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M cho chị M được ly hôn anh Đỗ Cao T.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/25E, số: 0002517 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh T; chị M đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuân